

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: ~~10~~ /2022/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày ~~15~~ tháng 6 năm 2022

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư
trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải, khai thác cơ sở dữ liệu về PPP và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm:

a) Cung cấp, đăng tải thông tin dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP); danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa;

Đề nghị Quý cơ quan truy cập đường link sau để tải phụ lục kèm theo:

<https://vbqappl.mpi.gov.vn/ChiTiet/pdf.71e2ce66-2b37-4e44-a1e1-7e5f0db90cdd>

b) Cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa;

c) Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư đối với dự án PPP; mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu;

d) Sơ tuyển trong nước đối với dự án PPP;

đ) Khai thác cơ sở dữ liệu về PPP.

2. Đối với dự án có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì không phải cung cấp, đăng tải thông tin bí mật đó theo quy định của Thông tư này. Việc quản lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Việc lựa chọn nhà đầu tư qua mạng chưa áp dụng đối với các dự án sau:

a) Dự án PPP áp dụng sơ tuyển quốc tế, đấu thầu rộng rãi quốc tế, đàm phán cạnh tranh, chỉ định nhà đầu tư;

b) Dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng đấu thầu rộng rãi quốc tế, chỉ định thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này được chọn áp dụng quy định của Thông tư này. Trường hợp chọn áp dụng, trình tự cung cấp, đăng tải thông tin thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng* trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* (sau đây gọi là Hệ thống), *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*, *Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia* (sau đây gọi là Trung tâm), *Chứng thư số*, *Hướng dẫn sử dụng*, *Tài khoản nghiệp vụ*, *Doanh nghiệp Dự án e-GP*, *Hợp đồng BOT Dự án e-GP* được giải thích theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 7, 8, 11, 12 và 13 Điều 3 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT).

2. Các từ ngữ viết tắt tại Thông tư này và trên Hệ thống, gồm:

a) *E-KSQT* là thông báo khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư dự án PPP qua mạng;

b) *E-HSQT* là hồ sơ quan tâm thực hiện dự án PPP qua mạng;

c) *E-TBMST* là thông báo mời sơ tuyển dự án PPP qua mạng;

d) *E-HSMST* là hồ sơ mời sơ tuyển dự án PPP qua mạng;

- đ) *E-HSDST* là hồ sơ dự sơ tuyển dự án PPP qua mạng;
- e) *E-TBMQT* là thông báo mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất qua mạng;
- g) *E-YCSBNLKN* là yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm dự án đầu tư có sử dụng đất qua mạng;
- h) *E-HSĐKTHDA* là hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất qua mạng.

3. *Văn bản điện tử* được gửi, nhận và lưu trữ thành công trên Hệ thống, gồm:

- a) Thông tin về dự án;
- b) Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất;
- c) *E-TBMQT*, *E-TBMST*;
- d) *E-KSQT*, *E-YCSBNLKN*, *E-HSMST*;
- đ) Tờ trình, quyết định phê duyệt *E-KSQT*, *E-YCSBNLKN*, *E-HSMST*;
- e) Biên bản mở thầu, biên bản mở *E-HSQT*, *E-HSĐKTHDA*, *E-HSDST*;
- g) Danh sách ngắn; danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm; kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- h) Nội dung làm rõ, sửa đổi *E-KSQT*, *E-YCSBNLKN*, *E-HSMST*, *E-HSQT*, *E-HSĐKTHDA*, *E-HSDST*; nội dung kiến nghị kết quả lựa chọn nhà đầu tư và những vấn đề liên quan đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư qua mạng;
- i) Văn bản dưới dạng điện tử khác được trao đổi trên Hệ thống.

4. *Thông tin không hợp lệ* là thông tin do đối tượng quy định tại Điều 2 của Thông tư này tự đăng tải trên Hệ thống không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

5. *Tổ chức tham gia Hệ thống* là các cơ quan, tổ chức đăng ký tham gia Hệ thống với một hoặc một số vai trò như sau:

- a) Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Bên mời thầu;
- c) Nhà đầu tư;
- d) Đơn vị quản lý về đấu thầu;
- đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Quản lý khu kinh tế (sau đây gọi là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế).

6. *Tài khoản tham gia Hệ thống* là tài khoản do Trung tâm cấp cho Tổ chức tham gia Hệ thống để thực hiện một hoặc một số vai trò quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 4. Áp dụng các mẫu hồ sơ

1. Đối với dự án PPP:

- a) Phụ lục 1 sử dụng để lập *E-KSQT* dự án PPP;
- b) Phụ lục 2 sử dụng để lập *E-KSQT* đối với dự án PPP có yếu tố đặc biệt cần áp dụng giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng

công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Phụ lục 3 sử dụng để lập E-HSMST dự án PPP áp dụng sơ tuyển trong nước.

2. Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, Phụ lục 4 sử dụng để lập E-YCSBNLKN.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng lựa chọn nhà đầu tư qua mạng

1. Các văn bản điện tử giao dịch qua Hệ thống, các thông tin được đăng tải trên Hệ thống được coi là văn bản gốc, có giá trị pháp lý và có hiệu lực như văn bản bằng giấy, làm cơ sở phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân.

2. Bên mời thầu tiến hành mở thầu trên Hệ thống ngay sau thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà đầu tư nộp hồ sơ, việc khảo sát quan tâm dự án PPP, mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất, sơ tuyển dự án PPP qua mạng được xem xét gia hạn thời hạn nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức khảo sát quan tâm dự án PPP, mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất, tổ chức sơ tuyển qua mạng lại.

Điều 6. Nguyên tắc cung cấp, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà đầu tư qua mạng

Quy định về định dạng tệp tin (file) đính kèm; xử lý kỹ thuật trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát; đăng ký tham gia Hệ thống và xử lý hồ sơ đăng ký; quản lý tài khoản và sử dụng chứng thư số; gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống; điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tương ứng tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 và 10 của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT.

Điều 7. Khai thác cơ sở dữ liệu về PPP

1. Tổ chức, cá nhân không thuộc điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Nghị định số 35/2021/NĐ-CP) được truy cập, khai thác đối với cơ sở dữ liệu về PPP thuộc danh mục cơ sở dữ liệu mở theo *Hướng dẫn sử dụng*.

2. Dữ liệu được sử dụng là dữ liệu không thuộc phạm vi công dân không được tiếp cận theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Chương II

CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ PPP, ĐẦU THẦU TRÊN HỆ THỐNG

Điều 8. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trên Hệ thống, gồm:

a) Thông tin chung về nhà đầu tư;

b) Số liệu về báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có);

c) Thông tin về các dự án, hợp đồng đã và đang thực hiện.

2. Nhà đầu tư chủ động cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình theo quy định tại khoản 1 Điều này trên Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin đã kê khai trên Hệ thống. Trường hợp nhà đầu tư tự thực hiện việc chỉnh sửa trên Hệ thống, Hệ thống sẽ lưu lại toàn bộ các thông tin trước và sau khi nhà đầu tư thực hiện chỉnh sửa. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác thực bằng chữ ký số của nhà đầu tư.

3. Nhà đầu tư đính kèm các văn bản, tài liệu để chứng minh tính xác thực về năng lực, kinh nghiệm, tài liệu đính kèm sẽ được lưu trữ và quản lý trên Hệ thống.

4. Trường hợp nhà đầu tư kê khai không trung thực nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào thì bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 của Luật Đấu thầu, khoản 11 Điều 10 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP).

5. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trường hợp số liệu về báo cáo tài chính trên Hệ thống đã được cập nhật từ Hệ thống Thuế điện tử của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà đầu tư không phải kê khai số liệu về báo cáo tài chính. Đối với số liệu báo cáo tài chính từ năm 2021 trở đi, trường hợp nhà đầu tư phát hiện Hệ thống chưa cập nhật số liệu so với Hệ thống Thuế điện tử của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính thì nhà đầu tư sửa đổi cho phù hợp với số liệu đã báo cáo với cơ quan thuế, Hệ thống sẽ lưu lại các phiên bản sửa đổi thông tin của nhà đầu tư.

Điều 9. Thông tin dự án và khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư

1. Đối với dự án PPP:

a) Cơ quan có thẩm quyền công bố thông tin của dự án trên Hệ thống kèm theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có) không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày quyết định này được phê duyệt.

b) Cơ quan có thẩm quyền tạo lập, phân quyền tài khoản nghiệp vụ cho Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Cơ quan, Đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án đăng tải thông báo khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư trên Hệ thống. Việc khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

2. Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế đăng tải danh mục dự án (gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư) và E-TBMT trên Hệ thống.

3. Đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, thông tin của dự án (gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư) và thông báo mời quan tâm được đăng tải trên Hệ thống. Nội dung đăng tải gồm:

a) Các thông tin về dự án: Tên dự án; mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; yêu cầu cơ bản của dự án; thời hạn, tiến độ đầu tư; địa điểm thực hiện dự án, các thông tin khác về dự án (nếu có);

b) Thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

c) Thông tin để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

d) Các thông tin khác (nếu cần thiết).

Điều 10. Phát hành, sửa đổi, làm rõ E-KSQT, E-YCSBNLKN, Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm; gia hạn thời gian nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Phát hành:

a) Đối với dự án PPP, E-KSQT được phát hành miễn phí trên Hệ thống.

b) Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất:

E-YCSBNLKN được phát hành miễn phí đồng thời với E-TBMQT được đăng tải thành công trên Hệ thống. Trong quá trình đăng tải E-YCSBNLKN, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế phải đính kèm các tài liệu sau đây:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt danh mục dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư);

- Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư).

c) Đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa:

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được phát hành miễn phí đồng thời với thông báo mời quan tâm được đăng tải thành công trên Hệ thống. Trong quá trình đăng tải thông báo mời quan tâm, các tài liệu phải đính kèm gồm:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt danh mục dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư);

- Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư).

Không được phát hành bản giấy Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm cho nhà đầu tư; trường hợp phát hành bản giấy cho nhà đầu tư thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư.

2. Sửa đổi:

a) Đối với dự án PPP:

Trường hợp sửa đổi E-KSQT sau khi phát hành, Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Cơ quan, Đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-KSQT;
- E-KSQT đã được sửa đổi.

b) Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất:

Trường hợp sửa đổi E-YCSBNLKN sau khi phát hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-YCSBNLKN;
- E-YCSBNLKN đã được sửa đổi.

c) Đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, việc đăng tải được thực hiện theo một trong hai cách sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
- Quyết định sửa đổi và yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đã được sửa đổi, trong yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

d) Quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi được đăng tải trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày hết hạn nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định tại khoản này thì phải thực hiện gia hạn thời gian nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tương ứng.

3. Làm rõ:

a) Đối với dự án PPP:

Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ E-KSQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoặc Cơ quan, Đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án PPP thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSQT.

b) Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất:

Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ E-YCSBNLKN, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA.

c) Đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, trường hợp cần làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh

nghiệm, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

d) Văn bản làm rõ E-KSQT, E-YCSBNLKN, yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm được đăng tải trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ.

đ) Nội dung làm rõ E-KSQT, E-YCSBNLKN, yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm không được trái với nội dung của E-KSQT, E-YCSBNLKN, yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm đã được phê duyệt.

Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ E-KSQT, E-YCSBNLKN, yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm dẫn đến phải sửa đổi các hồ sơ này thì việc sửa đổi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Gia hạn thời gian nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

Trường hợp gia hạn thời gian nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống, thông báo gia hạn được đăng tải trên Hệ thống, trong đó nêu rõ các thông tin sau:

a) Lý do gia hạn;

b) Thời điểm hết hạn nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án sau khi gia hạn;

c) Tên nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong trường hợp gia hạn theo quy định tại khoản 5a Điều 80 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 25/2020/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 25 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

5. Sau khi có kết quả đánh giá E-HSĐKTHDA đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được đăng tải trên Hệ thống không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả đánh giá.

Điều 11. Thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Thời gian đăng tải:

Thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được đăng tải trên Hệ thống không muộn hơn 07 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản này được ban hành. Thông tin cơ bản về dự án được đăng tải đồng thời với kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.

2. Tài liệu đính kèm:

Bên mời thầu phải đính kèm Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trong quá trình đăng tải. Trường hợp điều chỉnh, sửa đổi kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thì bên mời thầu phải cập nhật và đính kèm Quyết định phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi trên Hệ thống trước khi đăng tải thông báo mời thầu.

Điều 12. Thông báo mời sơ tuyển, E-TBMST, thông báo mời thầu dự án PPP

1. Bên mời thầu đăng tải thông báo mời sơ tuyển đối với dự án áp dụng sơ tuyển quốc tế; E-TBMST đối với dự án áp dụng sơ tuyển trong nước; thông báo mời thầu đối với dự án áp dụng đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 Luật PPP trên Hệ thống, đồng thời gửi đến các nhà đầu tư đã đăng ký quan tâm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP căn cứ tiến độ thực hiện dự án, thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư tại quyết định phê duyệt dự án PPP.

2. Việc sửa đổi, hủy thông báo mời sơ tuyển, E-TBMST, thông báo mời thầu chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu.

Điều 13. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán dự án PPP; gia hạn thời điểm đóng thầu

1. Phát hành:

a) Hồ sơ mời sơ tuyển đối với dự án áp dụng sơ tuyển quốc tế, E-HSMST đối với dự án áp dụng sơ tuyển trong nước, hồ sơ mời đàm phán đối với dự án áp dụng đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 Luật PPP được phát hành miễn phí đồng thời với thông báo mời sơ tuyển, E-TBMST, thông báo mời thầu được đăng tải thành công trên Hệ thống. Trong quá trình đăng tải thông báo mời sơ tuyển, E-TBMST, thông báo mời thầu bên mời thầu phải đính kèm các tài liệu sau đây:

- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới;

- Hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán đã được phê duyệt.

Bên mời thầu không được phát hành bản giấy hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán cho nhà đầu tư. Trường hợp bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà đầu tư thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự đàm phán.

b) Trường hợp nội dung của hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán được phê duyệt thì hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán phát hành trên Hệ thống là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với dự án PPP áp dụng sơ tuyển quốc tế, E-HSDST đối với dự án PPP áp dụng sơ tuyển trong nước, hồ sơ dự đàm phán đối với dự án áp dụng đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 Luật PPP.

2. Sửa đổi:

a) Đối với lựa chọn nhà đầu tư không qua mạng, trường hợp sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán;

- Quyết định sửa đổi và hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

b) Đối với lựa chọn nhà đầu tư qua mạng, trường hợp sửa đổi E-HSMST sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMST;

- E-HSMST đã được sửa đổi.

c) Việc sửa đổi phải bảo đảm tuân thủ thời gian quy định tại khoản 10 Điều 31 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP đối với dự án PPP, điểm m khoản 1 Điều 12 của Luật Đấu thầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này thì bên mời thầu phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

3. Làm rõ:

a) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

b) Bên mời thầu đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán không được trái với nội dung của hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời đàm phán dẫn đến phải sửa đổi các hồ sơ này thì việc sửa đổi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Gia hạn thời điểm đóng thầu:

Trường hợp gia hạn thời gian đóng thầu trên Hệ thống, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định về việc gia hạn trên Hệ thống, trong đó nêu rõ các thông tin sau:

a) Lý do gia hạn;

b) Thời điểm đóng thầu sau khi gia hạn.

Điều 14. Danh sách ngăn đối với dự án PPP

1. Thời gian đăng tải:

a) Bên mời thầu đăng tải danh sách ngăn trên Hệ thống không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày danh sách ngăn được ban hành.

b) Đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật PPP, bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn trên Hệ thống không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày quyết định phê duyệt dự án được ban hành.

2. Tài liệu đính kèm:

Bên mời thầu đính kèm các tài liệu sau đây trong quá trình đăng tải danh sách ngắn:

- a) Quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển đối với dự án áp dụng sơ tuyển;
- b) Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật PPP;
- c) Quyết định phê duyệt danh sách ngắn đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 Luật PPP.

Điều 15. Thông báo mời thầu

1. Bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu đối với dự án PPP không áp dụng sơ tuyển, dự án đầu tư có sử dụng đất trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong quyết định phê duyệt dự án PPP hoặc quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt đối với dự án đầu tư có sử dụng đất.

2. Việc sửa đổi, hủy thông báo mời thầu chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu.

Điều 16. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; gia hạn thời điểm đóng thầu

1. Phát hành hồ sơ mời thầu:

a) Trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu, bên mời thầu phải đính kèm các tài liệu sau đây:

- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu;
- Hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt.

Hồ sơ mời thầu được phát hành miễn phí đồng thời với thông báo mời thầu trên Hệ thống, trừ trường hợp dự án PPP áp dụng đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển, đàm phán cạnh tranh. Trường hợp bán hồ sơ mời thầu (bản điện tử đã phát hành trên mạng) thì khi nộp hồ sơ dự thầu nhà đầu tư phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 51 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP đối với dự án PPP hoặc khoản 1 Điều 7 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 5 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP) đối với dự án đầu tư có sử dụng đất.

Bên mời thầu không được phát hành hồ sơ mời thầu bản giấy cho nhà đầu tư, trường hợp bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà đầu tư thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

b) Trường hợp nội dung của hồ sơ mời thầu được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời thầu được phê duyệt thì hồ sơ mời thầu phát hành trên Hệ thống là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

2. Sửa đổi hồ sơ mời thầu:

Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách sau đây trên Hệ thống:

a) Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu;

b) Quyết định sửa đổi và hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

Việc đăng tải nội dung sửa đổi phải bảo đảm tuân thủ thời gian quy định tại khoản 10 Điều 31 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP đối với dự án PPP, khoản 7 Điều 6 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm b khoản 4 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP) đối với dự án đầu tư có sử dụng đất. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này thì bên mời thầu phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

3. Làm rõ hồ sơ mời thầu:

a) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống tối thiểu 07 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), tối thiểu 15 ngày (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

b) Bên mời thầu làm rõ hồ sơ mời thầu khi nhận được đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu tại điểm a khoản này và đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

d) Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu mà các nhà đầu tư chưa rõ. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa bên mời thầu và nhà đầu tư phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

4. Gia hạn thời điểm đóng thầu:

Trường hợp gia hạn thời điểm đóng thầu trên Hệ thống, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định về việc gia hạn trên Hệ thống, trong đó nêu rõ các thông tin sau:

a) Lý do gia hạn;

a) Thời điểm đóng thầu sau khi gia hạn.

Điều 17. Hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải

Việc hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 18. Kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Bên mời thầu đăng tải kết quả lựa chọn nhà đầu tư kèm theo quyết định phê duyệt trên Hệ thống không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 19. Quy trình đăng tải trên Hệ thống

Quy trình đăng tải thông tin tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 18 của Thông tư này được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Chương III

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ QUA MẠNG

Điều 20. Nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Quy trình nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống

a) Đối với dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất:

Nhà đầu tư nhập thông tin theo yêu cầu của E-KSQT, E-HSMST, E-YCSBNLKN trên Hệ thống theo định dạng webform, đính kèm file để tạo thành bộ E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA và nộp trên Hệ thống.

Đối với nội dung liên quan đến hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực và kinh nghiệm tương ứng, phản hồi của nhà đầu tư đối với các nội dung của E-KSQT, E-HSMST, E-YCSBNLKN, nhà đầu tư kê khai trên webform và cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu chứng minh về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm. Trường hợp có sự khác biệt với thông tin kê khai giữa webform với thông tin trong bản scan các văn bản, tài liệu chứng minh về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm đính kèm thì yêu cầu nhà đầu tư làm rõ. Việc đánh giá căn cứ vào E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA và tài liệu làm rõ của nhà đầu tư, trong đó có xác nhận thông tin, tài liệu chuẩn xác được nộp trên Hệ thống.

b) Đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, trường hợp nội dung hướng dẫn chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm b khoản 7 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)) đã được ban hành, nhà đầu tư gửi đính kèm hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống.

3. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh hoặc thành viên được phân công trong thỏa thuận liên danh nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đồng thời đính kèm thỏa thuận liên danh lên Hệ thống.

4. Hệ thống thông báo cho nhà đầu tư tình trạng nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (thành công hoặc không thành công) qua địa chỉ email mà nhà đầu tư đã đăng ký. Các thông tin được ghi nhận trên Hệ thống để làm căn cứ giải quyết kiến nghị, tranh chấp (nếu có) gồm: thông tin về bên gửi, bên nhận, thời điểm gửi, trạng thái gửi, số file đính kèm lên Hệ thống khi nhà đầu tư nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư.

5. Hết thời hạn nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, bên mời thầu, Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Cơ quan, Đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án PPP, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ đánh giá đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa truy cập vào Hệ thống và tiến hành đánh giá E-HSQT (trường hợp E-KSQT được lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này), E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của các nhà đầu tư đã nộp.

Điều 21. Làm rõ, sửa đổi, thay thế, rút E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

a) Nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo yêu cầu của bên mời thầu, Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án PPP, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa;

- Tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa nộp cùng hồ sơ.

b) Việc làm rõ E-HSQT, E-HSDST đối với dự án PPP, E-HSĐKTHDA đối với dự án đầu tư có sử dụng đất được thực hiện trên Hệ thống. Tất cả yêu cầu làm rõ và văn bản làm rõ của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống.

Đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, trường hợp nội dung hướng dẫn chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm b

khoản 7 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) đã được ban hành, việc làm rõ được thực hiện trên Hệ thống.

2. Sửa đổi, thay thế, rút E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

a) Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa trong trường hợp nội dung hướng dẫn chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm b khoản 7 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) đã được ban hành .

b) Sau thời điểm hết hạn nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, nhà đầu tư không được rút hồ sơ đã nộp.

Điều 22. Lập, trình, thẩm định, phê duyệt E-HSMST dự án PPP

1. Lập, trình, thẩm định, phê duyệt E-HSMST:

Bên mời thầu tổ chức lập E-HSMST trên Hệ thống. Sau khi lập E-HSMST, bên mời thầu trình cơ quan có thẩm quyền để cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt E-HSMST. Việc phê duyệt E-HSMST được thực hiện không qua mạng.

2. E-HSMST phải bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết để làm cơ sở cho nhà đầu tư chuẩn bị E-HSDST. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu đăng tải E-HSMST không đầy đủ thông tin hoặc thông tin không rõ ràng so với E-HSMST được phê duyệt dẫn đến gây khó khăn cho nhà đầu tư trong việc chuẩn bị E-HSDST thì cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu phải sửa đổi, bổ sung E-HSMST cho phù hợp và tiến hành đăng tải lại E-HSMST.

3. Bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong E-HSMST được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu không được đính kèm các file yêu cầu khác về bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong E-HSMST. Bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm không phải là bản được số hóa dưới dạng webform sẽ không được coi là một phần của E-HSMST và nhà đầu tư không phải đáp ứng các yêu cầu này.

4. Trường hợp E-HSMST có các nội dung dẫn đến hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng thì bên mời thầu không được loại bỏ E-HSDST không đáp ứng các nội dung này.

Điều 23. Mở thầu đối với dự án PPP áp dụng sơ tuyển

Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.

Điều 24. Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển dự án PPP

1. Bên mời thầu trình cơ quan có thẩm quyền kết quả sơ tuyển và đồng thời gửi đơn vị thẩm định.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả sơ tuyển trên cơ sở tờ trình, báo cáo đánh giá E-HSDST, báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển.

Điều 25. Lộ trình áp dụng lựa chọn nhà đầu tư qua mạng

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lựa chọn nhà đầu tư qua mạng theo lộ trình như sau:

1. Từ ngày 01 tháng 6 năm 2023, việc cung cấp, đăng tải thông tin đối với dự án phải đấu thầu theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa được thực hiện trên Hệ thống.

2. Từ ngày 15 tháng 8 năm 2023, việc phát hành E-KSQT, E-HSMST, E-YCSBNLKN và nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA đối với dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất được thực hiện trên Hệ thống.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VÀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN HỆ THỐNG

Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải lên Hệ thống khi đăng nhập bằng Tài khoản tham gia Hệ thống của mình.

2. Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình trên Hệ thống.

3. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số đăng ký trên Hệ thống.

Điều 27. Trách nhiệm của Đơn vị chuẩn bị dự án, Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đối với dự án PPP; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế đối với dự án đầu tư có sử dụng đất; đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa; bên mời thầu

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 35 của Luật PPP đối với dự án PPP và các điểm a, b, c, d, k khoản 1 và điểm a, b, c, đ, e, k khoản 2 Điều 75 của Luật Đấu thầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất đối với bên mời thầu.

2. Đối với dự án được tổ chức lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, thông tin quy định tại các Điều 12, 14, 15, 17 và 18 của Thông tư này được đăng tải trên Hệ thống bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của tài liệu đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt. Trường hợp có sự sai khác giữa tài liệu được đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt thì tài liệu đăng tải trên Hệ thống sẽ là cơ sở pháp lý để thực hiện.

4. Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi.

5. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số đăng ký trên Hệ thống.

Điều 28. Trách nhiệm của Trung tâm, Doanh nghiệp dự án và Báo Đấu thầu

1. Trung tâm, Doanh nghiệp dự án thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức PPP, về đấu thầu theo quy định tương ứng của pháp luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và *Hướng dẫn sử dụng*.

2. Báo Đấu thầu có trách nhiệm:

a) Rà soát, phát hiện các thông tin không hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư này và thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu trong thời hạn tối đa là 01 ngày làm việc, kể từ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu tự đăng tải thông tin trên Hệ thống. Việc thông báo được thực hiện trên Hệ thống, thư điện tử (email), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc các kênh thông tin khác về nội dung thông tin không hợp lệ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu tự chỉnh sửa, hoàn thiện, đăng tải lại trên Hệ thống.

b) Trích xuất thông tin quy định tại các Điều 9, 12, 14, 15, 17 và 18 của Thông tư này để đăng tải 01 kỳ trên Báo Đấu thầu trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu tự đăng tải thông tin lên Hệ thống theo quy định.

3. Trường hợp để xảy ra sai sót trong việc đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư như đăng chậm, sai nội dung hoặc cố tình không đăng tải thông tin gây thiệt hại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu, nhà đầu tư thì Báo Đấu thầu phải đăng tải thông tin bổ sung, đính chính công khai theo quy định của pháp luật về báo chí. Tùy theo mức độ sai sót, tổ chức, cá nhân liên quan thuộc Báo Đấu thầu còn bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, pháp luật về người lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 29. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Đăng ký tham gia Hệ thống để được phê duyệt theo quy định trước thời điểm đóng thầu để bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất hoặc theo *Hướng dẫn sử dụng* đối với dự án PPP.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 77 của Luật Đấu thầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất hoặc theo *Hướng dẫn sử dụng* đối với dự án PPP.

3. Cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống, bảo đảm tuân thủ các trách nhiệm tương ứng với quy định tại Điều 80 của Luật Đấu thầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất hoặc theo *Hướng dẫn sử dụng* đối với dự án PPP.

4. Quản lý tài khoản, chứng thư số tham gia Hệ thống.

5. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform và file tài liệu đính kèm trong quá trình quan tâm thực hiện dự án, tham dự thầu. Nhà đầu tư nhập thông tin theo yêu cầu của E-KSQT, E-YCSBNLKN, E-HSMST và đính kèm các file tài liệu để tạo thành bộ E-HSQT, E-HSĐKTHDA, E-HSDST theo *Hướng dẫn sử dụng*.

6. Nghiên cứu E-KSQT, E-YCSBNLKN, E-HSMST đối với dự án mà nhà đầu tư quan tâm để chuẩn bị E-HSQT, E-HSĐKTHDA, E-HSDST cho phù hợp với yêu cầu của E-KSQT, E-YCSBNLKN, E-HSMST. Trường hợp phát hiện E-KSQT, E-YCSBNLKN, E-HSMST có các nội dung không rõ ràng, gây khó khăn cho nhà đầu tư trong việc chuẩn bị E-HSQT, E-HSĐKTHDA, E-HSDST thì nhà đầu tư phải yêu cầu bên mời thầu làm rõ E-KSQT, E-YCSBNLKN, E-HSMST để cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu sửa đổi, bổ sung các tài liệu này cho phù hợp.

7. Theo dõi, cập nhật các thông tin trên Hệ thống đối với dự án mà nhà đầu tư quan tâm hoặc tham dự. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi về E-KSQT, E-YCSBNLKN, E-HSMST, thời gian nộp E-HSQT, E-HSĐKTHDA, E-HSDST, thời gian làm rõ E-HSQT, E-HSĐKTHDA, E-HSDST, thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng và các nội dung khác thì nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

8. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho giám đốc chi nhánh, giám đốc công ty con hạch toán phụ thuộc, giám đốc xí nghiệp... để thực hiện các công việc trong quá trình tham dự thầu thì việc tham dự thầu trên Hệ thống phải được thực hiện bằng tài khoản tham gia Hệ thống của nhà đầu tư mà không được sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh, công ty con, xí nghiệp...

Đối với trường hợp sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh hoặc các đơn vị phụ thuộc (hạch toán phụ thuộc) thì nhà đầu tư sẽ bị coi là không đáp ứng về tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất hoặc theo *Hướng dẫn sử dụng* đối với dự án PPP.

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với dự án PPP đã đăng tải khảo sát quan tâm trên Hệ thống trước ngày 15 tháng 8 năm 2023, trình tự, thủ tục khảo sát quan tâm được tiếp tục thực hiện theo hồ sơ đã phát hành và quy định pháp luật có liên quan. Căn cứ kết quả khảo sát, trường hợp dự án được xác định áp dụng sơ tuyển trong nước thì thực hiện sơ tuyển qua mạng theo quy định tại Thông tư này; trường hợp dự án được xác định áp dụng đấu thầu rộng rãi không sơ tuyển hoặc đàm phán cạnh tranh theo khoản 1 Điều 38 Luật PPP thì thực hiện cung cấp, đăng tải thông tin về PPP theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật PPP và quy định tại Thông tư này.

2. Đối với dự án PPP đã đăng tải hồ sơ mời sơ tuyển trên Hệ thống trước ngày 15 tháng 8 năm 2023, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư được tiếp tục thực hiện theo hồ sơ mời sơ tuyển đã phát hành và quy định pháp luật có liên quan. Căn cứ kết quả sơ tuyển, việc cung cấp, đăng tải thông tin về PPP thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật PPP và quy định tại Thông tư này.

3. Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa đã đăng tải danh mục dự án trên Hệ thống trước ngày 15 tháng 8 năm 2023, trình tự, thủ tục đánh giá yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được tiếp tục thực hiện theo yêu cầu đã phát hành và quy định pháp luật có liên quan. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Đối với dự án PPP được xác định áp dụng sơ tuyển trong nước tại quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án mà đến ngày 15 tháng 8 năm 2023 chưa phát hành hồ sơ mời sơ tuyển thì tổ chức sơ tuyển qua mạng theo quy định tại Thông tư này mà không phải điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án.

5. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, đối với các dự án đã đăng tải thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu trên Hệ thống tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> mà chưa tiến hành mở thầu, đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, đăng tải danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì sử dụng chứng thư số chuyên dùng do Trung tâm cấp để đăng tải trên Hệ thống này.

Điều 31. Sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức PPP và dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Bãi bỏ khoản 4 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức PPP và dự án đầu tư có sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT).

2. Sửa đổi khoản 3 Mục 1 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT như sau:

“3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định giá trị m_3 , gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trong quá trình thẩm định hồ sơ mời thầu.

Trường hợp được ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 22 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP), bộ phận có chức năng kế hoạch, tài chính của cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, trong đó có giá trị m_3 .”

3. Sửa đổi khoản 2.c Bảng số 01 Mục 2 Chương II Phụ lục VI và khoản 2.c Bảng số 01 Mục 2.3 Chương III Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT như sau:

“c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét bao gồm dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xây dựng công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở (trừ nhà ở riêng lẻ); trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng _____ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và có giá trị tối thiểu là _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].”

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các Điều 7, 8, 9, 10 và 13 của Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà đầu tư hết hiệu lực thi hành.
3. Số liệu về báo cáo tài chính của nhà đầu tư được chia sẻ từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thuế điện tử.
4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản mới đó.
5. Hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về PPP, đấu thầu trên Hệ thống, Báo Đấu thầu phù hợp với lịch nghỉ lễ, Tết theo thông báo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
6. Căn cứ tình hình thực tế, Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể chỉnh sửa các biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các bên tham gia vào hoạt động lựa chọn nhà đầu tư qua mạng, giảm thủ tục hành chính, tăng cường hơn nữa tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong lựa chọn nhà đầu tư, đồng thời bảo đảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP, đấu thầu.

7. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, hướng dẫn. /.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (T₁₀₂)

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục 1

MẪU THÔNG BÁO KHẢO SÁT SỰ QUAN TÂM DỰ ÁN PPP



(Webform trên Hệ thống)

(Kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)

(Webform trên Hệ thống)

THÔNG BÁO KHẢO SÁT SỰ QUAN TÂM

Thông báo được đăng tải bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trang thông tin điện tử (nếu có) của bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đối với dự án thuộc ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án cần bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 31 của Luật PPP, chỉ đăng tải thông báo mời khảo sát bằng tiếng Việt để thực hiện lựa chọn nhà đầu tư trong nước.

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm.

_____ [*Hệ thống trích xuất tên Cơ quan có thẩm quyền*] mời các nhà đầu tư đăng ký quan tâm thực hiện dự án _____ [*Ghi tên dự án*] với các thông tin như sau:

I. THÔNG TIN SƠ BỘ VỀ DỰ ÁN

1. Mục tiêu, quy mô dự án (dự kiến):
2. Địa điểm thực hiện dự án:
3. Thời gian thực hiện dự án:
4. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng; nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có):.....
5. Loại hợp đồng dự án (dự kiến):
6. Sơ bộ tổng mức đầu tư:
7. Sơ bộ phương án tài chính: cơ cấu nguồn vốn trong dự án, dự kiến khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng:
8. Các ưu đãi, bảo đảm đầu tư:
9. Cơ chế chia sẻ phân tăng doanh thu và giảm doanh thu (nếu có):
10. Tên đơn vị chuẩn bị dự án/tên nhà đầu tư đề xuất dự án (trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất):
11. Nguyên tắc xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư như sau:
 - Đấu thầu rộng rãi quốc tế có sơ tuyển trong trường hợp có từ 06 nhà đầu tư trở lên quan tâm trong đó có ít nhất 01 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm;
 - Đấu thầu rộng rãi trong nước có sơ tuyển trong trường hợp có từ 06 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật Việt Nam trở lên đăng ký quan tâm;
 - Đấu thầu rộng rãi quốc tế trong trường hợp có dưới 06 nhà đầu tư quan tâm; trong đó có ít nhất 01 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm;
 - Đấu thầu rộng rãi trong nước trong trường hợp có dưới 06 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật Việt Nam đăng ký quan tâm.

II. NỘI DUNG CẦN KHẢO SÁT Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ, BÊN CHO VAY

[Liệt kê các nội dung cần khảo sát ý kiến của nhà đầu tư, bên cho vay đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, bao gồm:

1. Khảo sát về khả năng triển khai dự án tương tự (về lĩnh vực, quy mô...) của khu vực tư nhân.
2. Khảo sát về một số yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện dự án.
3. Đánh giá của nhà đầu tư, bên cho vay về tính hấp dẫn, khả thi của dự án; mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu kỳ vọng của nhà đầu tư.
4. Các nội dung khác].

III. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ QUAN TÂM

1. Nhà đầu tư quan tâm cung cấp các thông tin bao gồm: Hồ sơ về tư cách pháp lý; năng lực, kinh nghiệm tương ứng với thông tin dự án nêu tại Mục I Thông báo này; phản hồi của nhà đầu tư đối với các nội dung khảo sát ý kiến của cơ quan có thẩm quyền; thông tin liên lạc của nhà đầu tư.

2. Thời điểm hết hạn đăng ký:

_____ [Ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 30 ngày từ ngày đăng tải thông tin khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]

3. Thông tin liên hệ của cơ quan có thẩm quyền:

- Cơ quan có thẩm quyền:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số fax:

Phụ lục 2

THÔNG BÁO KHẢO SÁT SỰ QUAN TÂM DỰ ÁN PPP

(Webform trên Hệ thống)

(Đối với dự án có yếu tố đặc biệt cần áp dụng giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường)

(Kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)

(Webform trên Hệ thống)

THÔNG BÁO KHẢO SÁT SỰ QUAN TÂM

Thông báo khảo sát sự quan tâm (E-KSQT) được đăng tải bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Hệ thống), trang thông tin điện tử (nếu có) của bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đối với dự án thuộc ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án cần bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 31 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP), chỉ đăng tải thông báo mời khảo sát bằng tiếng Việt để thực hiện lựa chọn nhà đầu tư trong nước.

Thông báo này áp dụng đối với dự án có yếu tố đặc biệt cần áp dụng giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm.

_____ [*Hệ thống trích xuất tên Cơ quan có thẩm quyền*] mời các nhà đầu tư nộp hồ sơ quan tâm thực hiện dự án [*Ghi tên dự án*] với các thông tin như sau:

I. THÔNG TIN SƠ BỘ VỀ DỰ ÁN

1. Mục tiêu, quy mô dự án (dự kiến):
2. Địa điểm thực hiện dự án:
3. Thời gian thực hiện dự án:
4. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng; nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có):
5. Loại hợp đồng dự án (dự kiến):
6. Sơ bộ tổng mức đầu tư:
7. Sơ bộ phương án tài chính: cơ cấu nguồn vốn trong dự án, dự kiến khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng:
8. Các ưu đãi, bảo đảm đầu tư:
9. Cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu và giảm doanh thu (nếu có):
10. Tên đơn vị chuẩn bị dự án/tên nhà đầu tư đề xuất dự án (trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất):

11. Yếu tố đặc biệt cần áp dụng giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao pháp luật về bảo vệ môi trường

12. Nguyên tắc xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư như sau:

- Đàm phán cạnh tranh trong trường hợp có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án;

- Trường hợp dự án có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án thì thực hiện như sau:

+ Đấu thầu rộng rãi quốc tế có sơ tuyển trong trường hợp có từ 06 nhà đầu tư trở lên quan tâm trong đó có ít nhất 01 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm;

+ Đấu thầu rộng rãi trong nước có sơ tuyển trong trường hợp có từ 06 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật Việt Nam trở lên đăng ký quan tâm;

+ Đấu thầu rộng rãi quốc tế trong trường hợp có dưới 06 nhà đầu tư quan tâm; trong đó có ít nhất 01 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm;

+ Đấu thầu rộng rãi trong nước trong trường hợp có dưới 06 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật Việt Nam đăng ký quan tâm.

13. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký quan tâm dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp E-HSQT trên Hệ thống.

II. NỘI DUNG CẦN KHẢO SÁT Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ, BÊN CHO VAY

[Liệt kê các nội dung cần khảo sát ý kiến của nhà đầu tư, bên cho vay đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, bao gồm:

1. Khảo sát về khả năng triển khai dự án tương tự (về lĩnh vực, quy mô...) của khu vực tư nhân.

2. Khảo sát về một số yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện dự án.

3. Đánh giá của nhà đầu tư, bên cho vay về tính hấp dẫn, khả thi của dự án; mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu kỳ vọng của nhà đầu tư.

4. Các nội dung khác].

III. YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Năng lực tài chính ⁽¹⁾	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽²⁾ : _____ [ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư. Vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư dự án không bao gồm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

		<p>và vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật PPP].</p> <p>Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.</p> <p>Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.</p>
2	Kinh nghiệm ⁽³⁾	<p>Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: _____ dự án [ghi số lượng theo yêu cầu]. Cách xác định dự án như sau⁽⁴⁾:</p> <p>- Loại 1: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư đã áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường và tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>+ Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu bằng⁽⁵⁾ _____ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét].</p> <p>+ Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng⁽⁶⁾ _____ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét].</p> <p>+ Dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng trong _____ năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu].</p> <p>- Loại 2: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư đã áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi</p>

trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường và tham gia với vai trò góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu bằng⁽⁷⁾ _____ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét].

+ Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng⁽⁸⁾ _____ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét].

+ Dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng trong _____ năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu].

- Loại 3: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư đã áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường và tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng⁽⁹⁾ _____ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].

+ Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong _____ năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu].

- Loại 4: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư đã áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường và tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng⁽¹⁰⁾ _____ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].

	<p>+ Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong _____ năm gần đây [<i>ghi số năm theo yêu cầu</i>].</p> <p>Kinh nghiệm của nhà đầu tư bằng tổng số dự án của nhà đầu tư/thành viên liên danh đã thực hiện.</p> <p>Các dự án/gói thầu nhà đầu tư/liên danh thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá⁽¹¹⁾.</p>
--	--

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận....

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính trong báo cáo tài chính năm gần nhất của nhà đầu tư đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm gửi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án PPP, làm cơ sở giám sát huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02.

(3) Đối với các dự án trong lĩnh vực mới hoặc có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, có thể xem xét,

căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Bên cạnh đó, trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án.

(4) Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất.

Cách thức quy đổi các dự án: _____ [*quy định 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5 - 0,7 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ*].

(5); (6); (7); (8); (9); (10) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(11) Nhà đầu tư phải cung cấp các biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đối với các dự án/gói thầu đã thực hiện.

IV. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ QUAN TÂM

Mục 1. Nội dung, thành phần E-HSQT

1. Hồ sơ về tư cách pháp lý.
2. Hồ sơ kê khai thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo các Mẫu số 01, 02, 03 và 04 đồng thời đính kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Phản hồi của nhà đầu tư đối với các nội dung khảo sát ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.
4. Thông tin liên lạc của nhà đầu tư.

Mục 2. Thời điểm hết hạn nộp E-HSQT

[Ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 45 ngày từ ngày đăng tải thông tin khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]

Mục 3. Sửa đổi, làm rõ E-KSQT

1. Sửa đổi:

Trường hợp sửa đổi E-KSQT sau khi phát hành, Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Cơ quan, Đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống:

- a) Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-KSQT;

b) E-KSQT đã được sửa đổi.

Quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi được đăng tải trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày hết hạn nộp E-HSQT. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định tại điểm này thì phải thực hiện gia hạn thời điểm tương ứng bảo đảm tuân thủ thời gian tại điểm này.

2. Làm rõ:

a) Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ E-KSQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoặc Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSQT.

b) Văn bản làm rõ E-KSQT được đăng tải trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSQT, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ.

c) Nội dung làm rõ E-KSQT không được trái với nội dung của E-KSQT đã được phát hành.

Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ E-KSQT dẫn đến phải sửa đổi E-KSQT thì việc sửa đổi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Mục này.

Mục 4. Nộp E-HSQT

4.1. Nhà đầu tư nhập thông tin theo yêu cầu của E-KSQT trên Hệ thống theo định dạng webform và đính kèm file để tạo thành bộ E-HSQT và nộp trên Hệ thống.

4.2. Đối với nội dung liên quan đến hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực và kinh nghiệm tương ứng, phản hồi của nhà đầu tư đối với các nội dung của E-KSQT, nhà đầu tư kê khai trên webform và cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu chứng minh về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm. Trường hợp có sự khác biệt với thông tin kê khai giữa webform với thông tin trong bản scan các văn bản, tài liệu chứng minh về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm đính kèm thì yêu cầu nhà đầu tư làm rõ. Việc đánh giá căn cứ vào E-HSQT và tài liệu làm rõ của nhà đầu tư, trong đó có xác nhận thông tin, tài liệu chuẩn xác được nộp trên Hệ thống.

Mục 5. Làm rõ E-HSQT

5.1. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ E-HSQT:

a) Làm rõ E-HSQT theo yêu cầu của Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Cơ quan, Đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án hoặc;

b) Tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện E-HSQT thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa nộp cùng hồ sơ.

5.2. Việc làm rõ E-HSQT được thực hiện trên Hệ thống. Tất cả yêu cầu làm rõ và văn bản làm rõ của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống.

Mục 6. Sửa đổi, thay thế, rút E-HSQT

6.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút E-HSQT trước thời điểm hết hạn nộp E-HSQT trên Hệ thống.

6.2. Sau thời điểm hết hạn nộp E-HSQT, nhà đầu tư không được rút hồ sơ đã nộp.

Mục 7. Ngôn ngữ sử dụng

E-HSQT và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư liên quan đến việc khảo sát quan tâm và nhà đầu tư liên quan đến việc mời quan tâm được viết bằng tiếng Việt đối với nhà đầu tư trong nước, tiếng Việt và tiếng Anh đối với nhà đầu tư quốc tế.

Mục 8. Gia hạn thời gian nộp E-HSQT

Trường hợp gia hạn thời gian nộp E-HSQT trên Hệ thống, thông báo gia hạn được đăng tải trên Hệ thống, trong đó nêu rõ các thông tin sau:

1. Lý do gia hạn;
2. Thời điểm hết hạn nộp E-HSQT sau khi gia hạn.

Mục 9. Thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư

Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống.

Mục 10. Thông tin liên hệ

- Cơ quan có thẩm quyền:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số fax:

CÁC BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư
2. Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
3. Mẫu số 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư
4. Mẫu số 04: Thỏa thuận liên danh

MẪU SỐ 01 (Webform trên Hệ thống)
THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư⁽²⁾:
3. Năm thành lập công ty:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư đính kèm trên Hệ thống bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

MẪU SỐ 02 (Webform trên Hệ thống)**NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾****1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:**a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽³⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có))	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện.

(3) Căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

MẪU SỐ 03 (Webform trên Hệ thống)

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ⁽¹⁾

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án theo yêu cầu của bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ____ [ghi tên dự án]

Tên nhà đầu tư/tên thành viên liên danh cùng thực hiện dự án:	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Quốc gia thực hiện dự án:
4	Hình thức đầu tư dự án <input type="checkbox"/> Đầu tư theo phương thức PPP <input type="checkbox"/> Đầu tư không theo phương thức PPP
5	Lĩnh vực đầu tư của dự án
6	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh nhà đầu tư <input type="checkbox"/> Nhà thầu quản lý dự án <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính xây lắp <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính vận hành
7	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
8	Thông tin chi tiết
8.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiền độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾ : <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình, <input type="checkbox"/> Đã xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành <input type="checkbox"/> Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư:
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Vốn vay đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ

	- Mô tả ngắn gọn về phân công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phân công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
8.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu
	Phạm vi công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Giá trị phân công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽³⁾ :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: ___ [ghi tên dự án]

Ghi chú:

(1) Yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này có thể điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

MẪU SỐ 04 (Webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ ___ [*Ghi căn cứ pháp lý*]

Căn cứ ___ [*Ghi căn cứ pháp lý*]

Căn cứ E-KSQT dự án: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-KSQT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế: [*Hệ thống tự động trích xuất*]
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế: [*Hệ thống tự động trích xuất*]
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

.....

Tên thành viên liên danh thứ năm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế: [*Hệ thống tự động trích xuất*]

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ___ [*ghi tên của liên danh*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình khảo sát quan tâm cho dự án ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên của dự án*] như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ___ [*ghi tên một thành viên*] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSQT cho cả liên danh.

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, đề nghị làm rõ E-KSQT và giải trình, làm rõ E-HSQT;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Đơn vị chuẩn bị dự án, Cơ quan, Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án PPP trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-KSQT và giải trình, làm rõ E-HSQT.

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);*

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh⁽¹⁾:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1 [Đứng đầu liên danh]			[tối thiểu 30%]
2	Thành viên 2			[tối thiểu 15%]
3	Thành viên 3			[tối thiểu 15%]
.....				
Tổng			100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không đáp ứng E-KSQT.

Thỏa thuận liên danh này được lập trên cơ sở sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ % góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

Phụ lục 3

MẪU HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP



(Webform trên Hệ thống)

(Kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)

Mẫu này bao gồm:

1. Thông báo mời sơ tuyển (E-TBMST)
2. Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển dự án PPP (E-HSMST)

(Webform trên Hệ thống)

THÔNG BÁO MỜI SƠ TUYỂN

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm

_____ [*Hệ thống trích xuất tên Bên mời thầu*] mời các nhà đầu tư quan tâm nộp E-HSDST dự án _____ [*Ghi tên dự án theo quyết định phê duyệt chủ trương hoặc quyết định phê duyệt dự án*] với các thông tin như sau:

1. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: _____
2. Tổng mức đầu tư của dự án: _____
3. Vốn nhà nước trong dự án (nếu có): _____
4. Loại hợp đồng: _____
5. Hình thức sơ tuyển: Trong nước
6. Thời hạn, tiến độ đầu tư: _____
7. Địa điểm thực hiện dự án: _____
8. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp⁽¹⁾: _____
9. Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: _____
10. Thời điểm hết hạn nộp E-HSDST dự án _____ [*ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành E-HSMST đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 30 ngày và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp E-HSDST*].
11. Tên cơ quan có thẩm quyền: _____
12. Tên cơ quan ký kết hợp đồng: _____
13. Tên đơn vị chuẩn bị dự án: _____
14. Dự kiến tiến độ triển khai dự án gồm: _____

⁽¹⁾ Yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật PPP.

- Đối với dự án chưa tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi: _____ [ghi thời gian lập báo cáo nghiên cứu khả thi; thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; thời gian xây dựng, hoàn thành và đưa công trình vào khai thác đối với dự án].

- Đối với dự án đã có báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt: _____ [ghi tiến độ, thời hạn hợp đồng dự án; thời gian xây dựng, khai thác công trình theo báo cáo nghiên cứu khả thi].

15. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đầu tư dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp E-HSDST trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

(Webform trên Hệ thống)

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

Số thông báo mời sơ tuyển (trên
Hệ thống):

Tên dự án (theo nội dung E-
TBMST trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung
E-TBMST trên Hệ thống):

**Ban hành kèm theo Quyết định
phê duyệt E-HSMST** (theo nội
dung E-TBMST trên Hệ thống):

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	5
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	7
PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN	8
Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư.....	8
Chương II. Bảng dữ liệu.....	19
Chương III. Đánh giá E-HSDST.....	23
Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển.....	35
PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN	50

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị E-HSDST. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDST, mở thầu, đánh giá E-HSDST và lựa chọn nhà đầu tư vào danh sách ngắn. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả dự án lựa chọn nhà đầu tư qua mạng, được cố định theo dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương này quy định cụ thể nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng loại dự án cụ thể.

Chương này được số hóa dưới dạng biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Bên mời thầu nhập các nội dung thông tin vào **E-BDL** trên Hệ thống.

Chương III. Đánh giá E-HSDST

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá E-HSDST. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ E-HSDST) và Mục 2 (Đánh giá về lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải lên Hệ thống;
- Mục 3 (Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án) được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;

Căn cứ vào thông tin do Bên mời thầu nhập vào, Hệ thống sẽ tự động tạo ra biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

Chương này gồm quy định về biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của E-HSDST.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà đầu tư cần nhập thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMST, E-HSDST trên Hệ thống.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án; quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án. Trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo hồ sơ mời sơ tuyển các tài liệu này.

Căn cứ vào thông tin do Bên mời thầu nhập vào, Hệ thống sẽ tự động tạo ra biểu mẫu dự thầu với tiêu chuẩn đánh giá (nếu cần).

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-BDL	Bảng dữ liệu
E-CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Nghị định số 35/2021/NĐ-CP	Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
Luật PPP	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
VND	đồng Việt Nam
Webform	Định dạng tài liệu theo dạng biểu mẫu nhập sẵn trên Hệ thống

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

<p>1. Nội dung mời sơ tuyển</p>	<p>1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại E-BDL mời nhà đầu tư quan tâm nộp E-HSDST đối với dự án được mô tả tại Phần 2 – Yêu cầu thực hiện dự án.</p> <p>1.2. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại E-BDL.</p> <p>1.3. Thông tin cơ bản về dự án được nêu tại E-BDL.</p> <p>1.4. Nhà đầu tư phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp E-HSDST trên Hệ thống.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDST và được quy định trong E-TBMST trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Hành vi bị nghiêm cấm trong đấu tư theo phương thức PPP</p>	<p>Hành vi bị nghiêm cấm trong đấu tư theo phương thức PPP gồm các hành vi theo quy định tại Điều 10 Luật PPP.</p>
<p>4. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư</p>	<p>Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>4.1. Có đăng ký thành lập, hoạt động được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà nhà đầu tư đang hoạt động;</p> <p>4.2. Hạch toán tài chính độc lập; bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 30 Luật PPP và Điều 29 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn theo quy định tại E-BDL;</p> <p>4.3. Không đang trong quá trình giải thể; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>4.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động</p>

	<p>đầu tư theo phương thức PPP; không phải là nhà thầu đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>4.5. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải liên danh với nhà đầu tư thuộc khu vực tư nhân để tham dự thầu.</p>
<p>5. Nội dung E-HSMST</p>	<p>5.1. E-HSMST gồm: E-TBMST và các Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi E-HSMST (nếu có) theo quy định tại Mục 8 E-CDNĐT, trong đó gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục sơ tuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu - Chương III. Đánh giá E-HSDST - Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển <p>Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án</p> <p>5.2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của E-HSMST, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMST, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có), các tài liệu sửa đổi E-HSMST theo quy định tại Mục 8 E-CDNĐT nếu các tài liệu này không do Bên mời thầu phát hành trên Hệ thống. E-HSMST do Bên mời thầu phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>5.3. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin E-CDNĐT, E-BDL, biểu mẫu, báo cáo tóm tắt dự án và các yêu cầu khác trong E-HSMST để chuẩn bị E-HSDST.</p>
<p>6. Làm rõ E-HSMST, hội nghị tiền đấu thầu</p>	<p>6.1. Trường hợp cần làm rõ E-HSMST, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ thông qua Hệ thống đến Bên mời thầu tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà đầu tư và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Nội dung làm rõ E-HSMST không được trái với nội dung của E-HSMST đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ E-HSMST dẫn đến phải sửa đổi E-HSMST thì việc sửa</p>

	<p>đổi E-HSMST thực hiện theo quy định tại Mục 8 E-CDNĐT.</p> <p>6.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung E-HSMST. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ E-HSMST, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến Bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ câu hỏi của nhà đầu tư và câu trả lời của Bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành</p>
	<p>văn bản làm rõ E-HSMST và đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMST. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp E-HSMST cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định tại Mục 8 E-CDNĐT.</p>
<p>7. Khảo sát hiện trường</p>	<p>7.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng Bên mời thầu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại E-BDL.</p> <p>7.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.</p>
<p>8. Sửa đổi E-HSMST</p>	<p>Trường hợp sửa đổi E-HSMST thì Bên mời thầu đăng tải Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMST và E-HSMST đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 10 ngày và bảo đảm đủ thời</p>

	gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh E-HSDST; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.
9. Chi phí dự sơ tuyển	E-HSMST được phát hành miễn phí trên Hệ thống đồng thời với E-TBMST được đăng tải thành công trên Hệ thống. Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp E-HSDST. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự sơ tuyển của nhà đầu tư.
10. Ngôn ngữ của E-HSDST	E-HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến E-HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong E-HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung (nếu cần thiết).
11. Thành phần của E-HSDST	E-HSDST phải gồm các thành phần sau đây: 11.1. Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 12 E-CDNĐT; 11.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 02 Chương IV– Biểu mẫu dự sơ tuyển (đối với nhà đầu tư liên danh); 11.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 13 E-CDNĐT; 11.4. Biểu mẫu dự sơ tuyển; 11.5. Nội dung khác theo quy định tại E-BDL.
12. Đơn dự sơ tuyển	Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu số 01 Chương IV– Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDST.
13. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư	13.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại E-BDL. 13.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm: a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo

	<p>các Mẫu số 05, Mẫu số 06 và Mẫu số 07 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải là VND thì khi lập E-HSDST, nhà đầu tư phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDST; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian theo quy định tại E-BDL để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong E-HSDST.</p> <p>b) Các tài liệu khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>13.3. Nhà đầu tư phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà đầu tư kê khai trong E-HSDST trước khi phê duyệt danh sách ngắn và để Bên mời thầu lưu trữ.</p>
<p>14. Thời gian có hiệu lực của E-HSDST</p>	<p>14.1. E-HSDST có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>14.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDST, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của E-HSDST. Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDST thì E-HSDST của nhà đầu tư không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>15. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>15.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-BDL.</p> <p>15.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi E-HSMST theo quy định tại Mục 8 E-CDNĐT.</p> <p>15.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>16. Nộp, sửa đổi, thay thế, rút E-HSDST</p>	<p>16.1. Nộp E-HSDST: Nhà đầu tư chỉ nộp một bộ E-HSDST đối với một E-TBMST khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDST sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>16.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDST đã nộp, nhà đầu tư phải tiến hành rút toàn bộ E-</p>

	<p>HSDST đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDST, nhà đầu tư tiến hành nộp lại E-HSDST mới để thay thế E-HSDST đã nộp. Trường hợp nhà đầu tư đã nộp E-HSDST trước khi Bên mời thầu thực hiện sửa đổi E-HSMST (nếu có) thì nhà đầu tư rút lại E-HSDST đã nộp và tiến hành chỉnh sửa E-HSDST cho phù hợp với E-HSMST sửa đổi và nộp lại E-HSDST mới.</p> <p>16.3. Rút E-HSDST: Sau khi nộp, nhà đầu tư được rút E-HSDST trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà đầu tư tình trạng rút E-HSDST (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDST của nhà đầu tư.</p> <p>16.4. Nhà đầu tư chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDST trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, nhà đầu tư không được rút E-HSDST đã nộp; tất cả các E-HSDST nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>17. Mở thầu</p>	<p>17.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà đầu tư nộp E-HSDST, Bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức sơ tuyển lại.</p> <p>17.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMST; - Tên dự án; - Tên Bên mời thầu; - Hình thức sơ tuyển; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở E-HSDST; - Tổng số nhà đầu tư tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà đầu tư tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà đầu tư;

	<p>- Thời gian có hiệu lực của E-HSDST;</p> <p>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</p>
<p>18. Bảo mật</p>	<p>18.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDST phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDST của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>18.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDST theo quy định tại Mục 19 E-CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở E-HSDST cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.</p>
<p>19. Làm rõ E-HSDST</p>	<p>19.1. Sau khi mở thầu, trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ E-HSDST theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p> <p>19.2. Trường hợp trong quá trình đánh giá, nhà đầu tư phát hiện E-HSDST thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép tự làm rõ, bổ sung tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình.</p> <p>Văn bản làm rõ của nhà đầu tư chỉ được chấp thuận trong trường hợp được gửi thông qua Hệ thống trước thời điểm thông báo kết quả sơ tuyển. Trường hợp gửi văn bản làm rõ sau thời điểm thông báo kết quả sơ tuyển, văn bản làm rõ và thông tin, tài liệu kèm theo (nếu có) sẽ không được xem xét, đánh giá.</p> <p>19.3. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDST giữa nhà đầu tư và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có E-HSDST cần phải làm rõ.</p> <p>19.4. Việc làm rõ, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện E-HSDST</p>

	<p>phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi tư cách và tên nhà đầu tư tham dự sơ tuyển.</p> <p>19.5. Trong yêu cầu làm rõ E-HSDST, bên mời thầu phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ E-HSDST). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được làm rõ E-HSDST từ nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư làm rõ E-HSDST nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDST của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại E-HSDST nộp trước thời điểm đóng thầu.</p>
<p>20. Đánh giá E-HSDST và xếp hạng nhà đầu tư</p>	<p>20.1. Việc đánh giá E-HSDST thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III – Đánh giá E-HSDST.</p> <p>20.2. Việc xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>21. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn</p>	<p>Nhà đầu tư được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>21.1. Có E-HSDST hợp lệ;</p> <p>21.2. Có tổng điểm đánh giá về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu, điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn mức điểm tối thiểu theo quy định tại Mục 3 Chương III – Đánh giá E-HSDST;</p> <p>21.3. Thuộc danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại Mục 20.2 E-CDNĐT.</p>
<p>22. Hủy thầu</p>	<p>22.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tất cả E-HSDST không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong E-HSMST;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, quy mô đầu tư đã ghi trong E-HSMST;</p> <p>c) E-HSMST không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà đầu tư được lựa chọn không đáp</p>

	<p>úng yêu cầu để thực hiện dự án;</p> <p>d) Việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến hạn chế cạnh tranh giữa các nhà đầu tư;</p> <p>đ) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>22.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ Mục 22.1 E-CDNĐT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>23. Công khai kết quả sơ tuyển</p>	<p>23.1. Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả sơ tuyển trên Hệ thống không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày kết quả sơ tuyển được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả sơ tuyển như sau:</p> <p>a) Thông tin về dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMST; - Tên dự án; - Tên Bên mời thầu; - Hình thức sơ tuyển; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà đầu tư được lựa chọn vào danh sách ngắn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số doanh nghiệp hoặc số Đăng ký doanh nghiệp của nhà đầu tư; - Tên nhà đầu tư. <p>c) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn vào danh sách ngắn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư.</p> <p>23.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 22.1 E-CDNĐT, trong thông báo kết quả sơ tuyển và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>

<p>24. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>24.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình sơ tuyển, kết quả sơ tuyển đến bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền theo địa chỉ quy định tại E-BDL. Việc giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật PPP và Tiêu mục 2 Mục 9 Chương IV Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</p> <p>24.2. Cơ quan giải quyết kiến nghị đăng tải kết quả giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư Hệ thống.</p>
<p>25. Xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức PPP</p>	<p>25.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.</p> <p>25.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 25.1 E-CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP còn bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống.</p> <p>25.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</p> <p>25.4. Công khai xử lý vi phạm:</p> <p>a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan;</p> <p>b) Quyết định xử lý vi phạm được cơ quan xử lý vi phạm đăng tải trên Hệ thống.</p>
<p>26. Giám sát, theo dõi quá trình sơ tuyển</p>	<p>Cơ quan có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại E-BDL giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không</p>

	phù hợp quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức PPP, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi.
--	--

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

E-CDNĐT 1.1	<p>Tên và địa chỉ của bên mời thầu: ___ [<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên bên mời thầu: - Đại diện: - Số nhà/số tầng/số phòng: - Tên đường, phố: - Thành phố: - Mã bưu điện: - Số điện thoại: - Số fax: - Địa chỉ email:
E-CDNĐT 1.2	<p>Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp và huy động: ___ [<i>theo E-TBMST</i>]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp⁽²⁾ là: ___ - Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu là: ___
E-CDNĐT 1.3	<p>Thông tin cơ bản của dự án gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên dự án: ___ [<i>theo E-TBMST</i>] b) Loại hợp đồng: ___ [<i>theo E-TBMST</i>] c) Tên cơ quan có thẩm quyền: ___ [<i>theo E-TBMST</i>] d) Tên cơ quan ký kết hợp đồng: ___ [<i>theo E-TBMST</i>] đ) Tên đơn vị chuẩn bị dự án: ___ [<i>theo E-TBMST</i>] e) Yêu cầu: ___ <i>Bên mời thầu ghi yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp, phương án tổ chức quản lý, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ theo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi</i> g) Tổng mức đầu tư của dự án; Vốn nhà nước tham gia trong dự án PPP (nếu có): ___ [<i>theo E-TBMST</i>]

⁽²⁾ Yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật PPP và trùng khớp với Mục 3 Chương III – Đánh giá E-HSDST.

	<p>h) Dự kiến tiến độ triển khai dự án gồm: ___ [theo E-TBMST]</p> <p>i) Các nội dung khác: ___</p>
E-CDNĐT 4.2	<p>Thông tin về các nhà thầu tư vấn của dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn], trừ trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư đó tham dự thầu; - Tư vấn thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn lập E-HSMST (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn thẩm định E-HSMST (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn đánh giá E-HSDST (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn lập HSMT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn thẩm định HSMT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn đánh giá HSMT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]; - Tư vấn kiểm định dự án PPP (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn].
E-CDNĐT 6.2	<p>Hội nghị tiền đấu thầu ___ [ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”] được tổ chức. [Trường hợp hội nghị được tổ chức: ___ [ghi ngày, giờ, địa điểm tổ chức hội nghị]].</p>

E-CDNĐT 7.1	Bên mời thầu ___ [ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”] tổ chức khảo sát hiện trường. [Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm].
E-CDNĐT 11.5	Nhà đầu tư phải nộp cùng với E-HSDST các tài liệu sau đây: ___ [ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của E-HSDST ngoài các nội dung quy định tại các Mục 11.1, 11.2 và 11.3 E-CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể và không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].
E-CDNĐT 13.1	<p>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư:</p> <p>a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:</p> <p>Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.</p> <p>b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh.
E-CDNĐT 13.2	<p>a) Đồng tiền trung gian là: ___ [ghi đồng tiền trung gian dùng để quy đổi về VND].</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: ___ [ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi]. - Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: ___ [ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)]. <p>b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với E-HSDST các tài liệu sau đây: ___ [ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của E-HSDST ngoài các nội dung quy định tại điểm a Mục 13.2 E-CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].</p>
E-CDNĐT	Thời hạn hiệu lực của E-HSDST là: ___ [ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện các công việc] ngày kể từ ngày

14.1	có thời điểm đóng thầu.
E-CDNĐT 15.1	- Thời điểm đóng thầu là: ___ [<i>theo E-TBMST</i>]
E-CDNĐT 20.2	E-HSDST của nhà đầu tư có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất. Trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn ___ [<i>Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu quy định số lượng nhà đầu tư trong danh sách ngắn bảo đảm tối thiểu là 03 nhà đầu tư và tối đa là 06 nhà đầu tư</i>] nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.
E-CDNĐT 24.1	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của bên mời thầu: ___ [<i>ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời thầu</i>]. b) Địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền: ___ [<i>ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của cơ quan có thẩm quyền</i>].
E-CDNĐT 26	Thông tin của cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi: ___ [<i>ghi đầy đủ tên, địa chỉ số điện thoại, số fax của cá nhân, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án (nếu có); trường hợp không thực hiện giám sát, theo dõi thì ghi “không áp dụng”</i>].

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ E-HSDST

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ E-HSDST:

E-HSDST của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị vốn chủ sở hữu mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển;

2. Nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 E-CDNĐT.

3. Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDST với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

4. Thời hạn hiệu lực của E-HSDST đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 14 E-CDNĐT;

Nhà đầu tư có E-HSDST được kết luận là “Hợp lệ” khi tất cả các nội dung được đánh giá là “Đáp ứng”. E-HSDST của nhà đầu tư được kết luận là “Không hợp lệ” khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó E-HSDST của nhà đầu tư bị loại. Nhà đầu tư có E-HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá về lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện

Nhà đầu tư phải kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện theo Mẫu số 04 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và E-HSDST sẽ bị loại.

Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo E-HSMST, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Mục 3. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án

3.1. Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai

thực hiện dự án sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm ___ [quy định là 100 hoặc 1.000] trong đó mức yêu cầu tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là ___ % tổng số điểm [quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%] và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản tối thiểu là ___ % điểm tối đa của nội dung đó [quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%].

3.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp được đánh giá theo tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp.

c) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện. Đối với kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, phải có ít nhất một thành viên liên danh có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đáp ứng yêu cầu của dự án đang xét. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

3.3. Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống:

Bảng số 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM VÀ PHƯƠNG ÁN SƠ BỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
I. Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư (chiếm tỷ trọng 90% tổng số điểm)						
Năng lực tài chính (chiếm tỷ trọng 50-60% tổng số điểm của tiêu chuẩn tại Mục I Bảng này)						
1	Vốn chủ sở hữu ⁽²⁾				Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp là: _____ [theo E-TBMST]	Mẫu số 05
2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp ⁽³⁾				Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu là: _____ [theo E-TBMST]	Mẫu số 05 và Mẫu số 06
Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư (chiếm tỷ trọng 40-50% tổng số điểm của tiêu chuẩn tại Mục I Bảng này)⁽⁴⁾						
3	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M)				Số lượng dự án mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: ___ dự án [ghi số lượng theo yêu cầu] để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau ⁽⁵⁾ : a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư tham gia với vai	Mẫu số 07

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					<p>trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]. - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2 E-BDL]. <p>b) Loại 2: Dự án đầu tư theo phương thức PPP; dự án đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p>	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					<p>- Có tổng mức đầu tư tối thiểu là ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét].</p> <p>- Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2 E-BDL].</p> <p>c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực tương tự mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>- Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét ___ [bên mời thầu quy định cụ thể tính chất tương tự];</p> <p>- Có giá trị tối thiểu là ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].</p>	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					<p>d) Loại 4: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [<i>ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu</i>] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét ___ [<i>bên mời thầu quy định cụ thể tính chất tương tự</i>]; - Có giá trị tối thiểu là ___ [<i>ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét</i>]. 	
4	Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ⁽⁶⁾				Số lượng dự án (trong đó gồm nội dung công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công) tương tự trong lĩnh vực ___ [<i>ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét</i>] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò	Mẫu số 07

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					<p>là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính, đối tác: ___ dự án [ghi số lượng theo yêu cầu] để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau⁽⁷⁾:</p> <p>a) Loại 1: Dự án mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] với vai trò là nhà đầu tư và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% -70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét] - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2 E-BDL]. <p>b) Loại 2: Dự án/gói thầu/hợp đồng mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số</p>	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					<p><i>năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] với vai trò là nhà thầu chính vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công với giá trị tối thiểu là__ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].</i></p> <p>c) Loại 3 (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M): Dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng__ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] của đối tác (đối với trường hợp nhà đầu tư có thỏa thuận hợp tác với đối tác để tham gia thực hiện công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong dự án đang xét) với giá trị hoặc tổng mức đầu tư tối thiểu bằng __ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư của dự án</p>	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					<i>đang xét].</i>	
II. Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ và cam kết thực hiện dự án (chiếm tỷ trọng 10% tổng số điểm)						Mẫu số 08
1	Cách tiếp cận và phương pháp luận (gồm nhận xét về báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án)					
2	Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (gồm khả năng triển khai xây dựng, kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; sáng kiến cải tiến) và cam kết thực hiện dự án					
3	Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt (nếu cần thiết)					
III. Các tiêu chuẩn khác⁽⁸⁾						

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu quy định chi tiết hơn thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

[Vi dụ: Đối với tiêu chí “Kinh nghiệm của nhà đầu tư”, bên mời thầu có thể quy định thang điểm chi tiết như sau:

- Nhà đầu tư đã thực hiện 1-2 dự án: 50% điểm tối đa;
- Nhà đầu tư đã thực hiện 3-4 dự án: 70% điểm tối đa;
- Nhà đầu tư đã thực hiện từ 5 dự án trở lên: 100% điểm tối đa.]

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính trong báo cáo tài chính năm gần nhất của nhà đầu tư đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm gửi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án PPP, làm cơ sở giám sát huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 05 và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 06 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 06 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo

quy định của pháp luật đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(4) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn:

- Đối với dự án, gói thầu có cấu phần xây dựng: đã được xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu hạng mục công trình, công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

- Đối với dự án, gói thầu không có cấu phần xây dựng: đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(iii) Đối với dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Trong quá trình xem xét, đánh giá, bên mời thầu phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong E-HSMST, hồ sơ mời thầu cũng như hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư cũng như biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.

(5), (7) Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất trong tiêu chuẩn này.

Cách thức quy đổi các dự án: *[Bên mời thầu quy định 01 dự án thuộc loại 2 hoặc 3 bằng tối đa 0,75 dự án thuộc loại 1; 01 dự án thuộc loại 4 bằng tối đa 0,5 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ].*

(6) Trường hợp dự án được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

Trường hợp nhà đầu tư sử dụng đối tác cùng thực hiện dự án, nhà đầu tư

phải cung cấp hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đối tác hoặc cam kết của đối tác về việc tham gia thực hiện dự án.

(8) Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và điều kiện riêng biệt (nếu có) của dự án, bên mời thầu đưa ra các tiêu chí phù hợp khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận... Trong trường hợp này, bên mời thầu phải nêu rõ yêu cầu và thang điểm chi tiết để làm cơ sở đánh giá.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN

1. Mẫu số 01: Đơn dự sơ tuyển
2. Mẫu số 02: Thoả thuận liên danh
3. Mẫu số 03: Thông tin về nhà đầu tư
4. Mẫu số 04: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện
5. Mẫu số 05: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
6. Mẫu số 06: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
7. Mẫu số 07: Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư
8. Mẫu số 08: Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ

ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất tên bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời sơ tuyển của dự án ___ [Hệ thống tự động trích xuất tên dự án] do ___ [Hệ thống tự động trích xuất tên bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) phát hành ngày ___ [Hệ thống tự động trích xuất ngày bắt đầu phát hành E-HSMST cho nhà đầu tư] và văn bản sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển số ___ ngày ___ [Hệ thống tự động trích xuất số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)], chúng tôi, ___ [ghi tên nhà đầu tư] nộp E-HSDST đối với dự án nêu trên. E-HSDST này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời thầu có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Chỉ tham gia trong một E-HSDST này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong E-HSDST là chính xác, trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình sơ tuyển.

Hiệu lực E-HSDST: ___ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Ghi chú:

(1) Đơn dự sơ tuyển được ký bằng chữ ký số của nhà đầu tư khi nhà đầu tư nộp E-HSDST.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, E-HSDST bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ ___ [*Ghi căn cứ pháp lý*]

Căn cứ ___ [*Ghi căn cứ pháp lý*]

Căn cứ E-HSMST dự án: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMST: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế: [*Hệ thống tự động trích xuất*]
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế: [*Hệ thống tự động trích xuất*]
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

.....

Tên thành viên liên danh thứ năm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế: *[Hệ thống tự động trích xuất]*
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án ____ *[Hệ thống tự động trích xuất tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ____ *[ghi tên của liên danh]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ *[ghi rõ hình thức xử lý khác]*.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư cho dự án ____ *[Hệ thống tự động trích xuất tên của dự án]* như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ____ [ghi tên một thành viên] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDST cho cả liên danh.

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, đề nghị làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển và giải trình, làm rõ E-HSDST;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh⁽¹⁾:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1 [Đứng đầu liên danh]			[tối thiểu 30%]
2	Thành viên 2			[tối thiểu 15%]
3	Thành viên 3			[tối thiểu 15%]
.....				
Tổng			100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không được lựa chọn vào danh sách ngắn;

- Liên danh không trùng thầu;

- Hủy việc sơ tuyển dự án theo thông báo của bên mời thầu;

- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư theo thông báo của bên mời thầu;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng dự án.

Thỏa thuận liên danh này được lập trên cơ sở sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và tỷ lệ % góp vốn chủ sở hữu trong liên danh.

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

**LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC HỢP ĐỒNG
ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên nhà đầu tư: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà đầu tư liên danh (nếu có): _____

Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện				
<p>Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:</p> <p><input type="checkbox"/> Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện.</p> <p><input type="checkbox"/> Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện mà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).</p>				
Năm	Mô tả hợp đồng	Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện	Giá trị tranh chấp, khiếu kiện (VND)	Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu
	Mô tả hợp đồng: _____ Tên Cơ quan ký kết hợp đồng: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____			

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và E-HSDST sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo E-HSMST, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾**1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:**a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽³⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện, phương án huy động vốn chủ sở hữu theo tiến độ thực hiện dự án PPP kê khai tại E-HSDST. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và bị xử lý theo quy định tại Mục 25 E-CDNĐT.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

**CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH,
TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

1. Tôi là ___ [ghi tên], ___ [ghi chức vụ], là đại diện hợp pháp của ___ [Ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư], xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp dưới đây là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị (VND) [Ghi số tiền bằng số, bằng chữ]
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
...	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
...	
III. Vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án	
1.	
2.	
...	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Đối với vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu: Thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư mua trái phiếu hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và nhà đầu tư.

- Tài liệu liên quan khác.

MẪU SỐ 07

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án theo yêu cầu của bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ___ [ghi tên dự án]

Tên nhà đầu tư/tên thành viên liên danh:	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Quốc gia thực hiện dự án:
4	Hình thức đầu tư dự án <input type="checkbox"/> Đầu tư theo phương thức PPP <input type="checkbox"/> Đầu tư không theo phương thức PPP
5	Lĩnh vực đầu tư của dự án
6	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh nhà đầu tư <input type="checkbox"/> Nhà thầu quản lý dự án <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính xây lắp <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính vận hành
7	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
8	Thông tin chi tiết
8.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾ : <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình, <input type="checkbox"/> Đã xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành <input type="checkbox"/> Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư:
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Vốn vay đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phân công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phân công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VND

	- Mô tả ngắn gọn về phân công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phân công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VND
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
8.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu
	Phạm vi công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Giá trị phân công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽³⁾ :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: ___ [ghi tên dự án]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chí đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SƠ BỘ

Nhà đầu tư chuẩn bị phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ gồm các phần:

- 1. Cách tiếp cận và phương pháp luận (gồm nhận xét về báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án).*
- 2. Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (gồm khả năng triển khai xây dựng, kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; sáng kiến cải tiến).*
- 3. Cam kết thực hiện dự án.*
- 4. Năng lực, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt theo yêu cầu của E-HSMST.*
- 5. Các nội dung khác theo yêu cầu của E-HSMST.*

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế, dự toán (trường hợp áp dụng) đã được phê duyệt của dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án (trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo E-HSMST các tài liệu này). Yêu cầu thực hiện dự án gồm:

- Tên dự án: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Tên cơ quan có thẩm quyền: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Tên cơ quan ký kết hợp đồng: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Mục tiêu của dự án: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Quy mô, công suất của dự án: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Địa điểm thực hiện dự án: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Nhu cầu sử dụng đất, mặt đất và tài nguyên khác (nếu có): ____;
- Phương án bồi thường tái định cư: ____;
- Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất: ____;
- Yêu cầu về kỹ thuật: _____ [trích xuất từ điểm e Mục 1.3 E-BDL];
- Tổng mức đầu tư: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Phần vốn nhà nước trong dự án, cách thức quản lý và sử dụng phần vốn này (nếu có): ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Loại hợp đồng dự án: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Các chỉ tiêu chính thuộc phương án tài chính: ____;
- Thời gian thực hiện dự án: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Ưu đãi và bảo đảm đầu tư: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];
- Các nội dung liên quan khác: _____.

Phụ lục 4

MẪU YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

(Webform trên Hệ thống)

(Kèm theo Thông tư số 40/2022/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)

Mẫu này bao gồm:

1. Mẫu thông báo mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất (E-TBMQT);
2. Mẫu yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (E-YCSBNLKN)

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật Đầu tư	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020
Nghị định số 25/2020/NĐ-CP	Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư
Webform	Định dạng tài liệu theo dạng biểu mẫu nhập sẵn trên Hệ thống

1. Mẫu thông báo mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất (Webform trên Hệ thống)

**THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM⁽¹⁾
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm

Số E-TBMQT: _____ [theo Hệ thống]

_____ [Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được trích xuất từ Hệ thống] mời các nhà đầu tư quan tâm nộp E-HSĐKTHDA _____ [ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư] với các thông tin như sau:

1. Tên dự án: _____
2. Mục tiêu đầu tư của dự án: _____
3. Quy mô đầu tư của dự án: _____
4. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: _____
5. Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: _____
6. Thời hạn, tiến độ đầu tư: _____
7. Địa điểm thực hiện dự án: _____
8. Diện tích khu đất: _____
9. Mục đích sử dụng đất: _____
10. Thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA: _____

[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, E-YCSBNLKN đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư được đăng tải]

11. Ban hành kèm theo Quyết định: _____

⁽¹⁾ Thông báo mời quan tâm được đăng tải trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc danh mục dự án được phê duyệt (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư).

12. Thông tin liên hệ:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư/Ban quản lý khu kinh tế _____ [*ghi tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế*]

- Địa chỉ: _____

- Số điện thoại: _____

- Số fax: _____

- Các thông tin khác về dự án: _____

13. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp E-HSĐKTHDA trên Hệ thống.

2. Mẫu yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (Webform trên Hệ thống)

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

Số E-TBMQT (trên Hệ thống):

Dự án (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

Chương I CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

1.1. ____ [*Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được trích xuất từ Hệ thống*] mời nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA cho Dự án ____ [*trích xuất từ Hệ thống*].

1.2. Thông tin về dự án:

Căn cứ nội dung theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý khu kinh tế tóm tắt thông tin về dự án, bao gồm:

- Mục tiêu đầu tư của dự án: _____
- Quy mô đầu tư của dự án: _____
- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: _____
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: _____
- Tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án: _____
- Thời hạn, tiến độ đầu tư: _____
- Địa điểm thực hiện dự án: _____
- Diện tích khu đất: _____
- Mục đích sử dụng đất: _____
- Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt: _____
- Hiện trạng khu đất: _____
- Các thông tin khác về dự án: _____
- Thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA: _____

[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, E-YCSBNLKN đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư được đăng tải]

Mục 2. Nội dung E-YCSBNLKN

E-YCSBNLKN gồm yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm. Nội dung chi tiết theo Chương II – Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Mục 3. Làm rõ E-YCSBNLKN

3.1. Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ E-YCSBNLKN, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư/Ban quản lý khu kinh tế ___ [trích xuất từ Hệ thống] thông qua Hệ thống trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA tối thiểu 05 ngày làm việc để xem xét, xử lý.

3.2. Sau khi nhận được đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư/Ban quản lý khu kinh tế ___ [trích xuất từ Hệ thống] tiến hành làm rõ và đăng tải trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-YCSBNLKN thì thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương này.

Mục 4. Sửa đổi E-YCSBNLKN nhà đầu tư

4.1. Trường hợp sửa đổi E-YCSBNLKN, ___ [Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được Hệ thống tự động trích xuất] đăng tải trên Hệ thống quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi trong khoảng thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA.

4.2. Trường hợp thời gian thông báo sửa đổi E-YCSBNLKN không đáp ứng quy định tại Mục 4.1 Chương này, ___ [Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được trích xuất từ Hệ thống] thực hiện gia hạn thời gian nộp E-HSĐKTHDA tương ứng. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 6.3 Chương này.

Mục 5. Ngôn ngữ sử dụng

E-HSĐKTHDA và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa ___ [Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được trích xuất từ Hệ thống] và nhà đầu tư liên quan đến việc mời quan tâm được viết bằng tiếng Việt đối với nhà đầu tư trong nước, tiếng Việt và tiếng Anh đối với nhà đầu tư quốc tế.

Mục 6. E-HSĐKTHDA và thời hạn nộp

6.1. E-HSĐKTHDA do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm các biểu mẫu và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

6.2. Nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA trên Hệ thống trước ___ giờ, ngày ___ tháng ___ năm ___ [trích xuất từ E-TBMQT].

6.3. ___ [Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được trích xuất từ Hệ thống] có thể gia hạn thời gian nộp E-HSĐKTHDA trong các trường hợp sau đây:

a) Sửa đổi E-YCSBNLKN theo quy định tại Mục 4 Chương này. Khi gia hạn, ___ [*Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được trích xuất từ Hệ thống*] thông báo trên Hệ thống;

b) Cần tăng thêm số lượng nhà đầu tư theo quy định tại điểm b Mục 9.2 Chương này. Khi gia hạn, ___ [*Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được trích xuất từ Hệ thống*] gửi thông báo đến tất cả các nhà đầu tư đã nộp E-HSĐKTHDA và thông báo trên Hệ thống. Thời gian gia hạn thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Trưởng Ban quản lý khu kinh tế. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại E-HSĐKTHDA.

Mục 7. Sửa đổi, thay thế, rút E-HSĐKTHDA

7.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút E-HSĐKTHDA trên Hệ thống trước thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA.

7.2. Sau thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA, nhà đầu tư không được rút E-HSĐKTHDA đã nộp.

Mục 8. Làm rõ E-HSĐKTHDA, đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

8.1. Làm rõ E-HSĐKTHDA

Nhà đầu tư có trách nhiệm:

a) Làm rõ E-HSĐKTHDA theo yêu cầu của ___ [*Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được Hệ thống tự động trích xuất*] hoặc;

b) Tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện E-HSĐKTHDA thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng E-HSĐKTHDA. Tất cả yêu cầu làm rõ và văn bản làm rõ của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống.

Văn bản làm rõ của nhà đầu tư chỉ được chấp thuận trong trường hợp được gửi thông qua Hệ thống trước thời điểm thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trường hợp gửi văn bản làm rõ sau thời điểm thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm, văn bản làm rõ và thông tin, tài liệu kèm theo (nếu có) sẽ không được xem xét, đánh giá.

8.2. Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư căn cứ E-YCSBNLKN, E-HSĐKTHDA của nhà đầu tư và các tài liệu làm rõ E-HSĐKTHDA (nếu có).

Mục 9. Thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư

9.1. Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, ___ [*Tên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban quản lý khu kinh tế đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế được trích xuất từ Hệ thống*] đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống.

9.2. Căn cứ kết quả đánh giá, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng E-YCSBNLKN, căn cứ tiến độ thực hiện dự án, mục tiêu thu hút đầu tư cũng như các điều kiện cụ thể khác của dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Trưởng ban quản lý khu kinh tế (đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế) xem xét, quyết định thực hiện theo một trong hai phương án như sau:

a) Phương án 1: Thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nếu quá trình tổ chức đã bảo đảm tính công khai, minh bạch, cạnh tranh và dự án có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ;

b) Phương án 2: Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án để các nhà đầu tư tiềm năng khác có cơ hội tiếp cận thông tin và nộp E-HSĐKTHDA nhằm tăng tính cạnh tranh. Thời gian gia hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Trưởng ban quản lý khu kinh tế (đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế) quyết định. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại E-HSĐKTHDA.

Sau khi gia hạn, căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thủ tục tiếp theo thực hiện theo quy định tương ứng tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

9.3. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu, việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 108 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư, gồm cả các nhà đầu tư ngoài danh sách nhà đầu tư đáp ứng E-YCSBNLKN.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Phương pháp đánh giá

1.1. Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng E-YCSBNLKN khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

E-YCSBNLKN

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Năng lực tài chính	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽¹⁾ : ___ [ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư. Vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15%, tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên. Trong đó, tổng mức đầu tư (vốn đầu tư) được xác định bằng tổng giá trị m_1 và m_2 theo quy định tại điểm h và điểm i khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP].
2	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự ⁽²⁾	Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: ___ dự án [ghi

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p>số lượng theo yêu cầu để được đánh giá là đạt]. Cách xác định dự án như sau ⁽³⁾:</p> <p>a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực ___ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét, gồm dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xây dựng công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở (trừ nhà ở riêng lẻ); trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là ⁽⁴⁾ ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét] - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là ⁽⁵⁾ ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét]. <p>b) Loại 2: Dự án trong lĩnh vực ___ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét, gồm dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xây dựng công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở (trừ nhà ở riêng lẻ); trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ] mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và có giá trị tối thiểu là ⁽⁶⁾ ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].</p> <p>c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực ___ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét bao gồm dự án đầu tư xây dựng khu đô thị;</p>

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p><i>xây dựng công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở (trừ nhà ở riêng lẻ); trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và có giá trị tối thiểu là ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].</i></p>

Ghi chú:

(1) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu.

(2) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu

về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Đối với các dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư và biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.

(iii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn: Dự án, gói thầu đã được nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(3) Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

Cách thức quy đổi các dự án: ___ [*quy định 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5 - 0,7 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ*].

(4) (5) (6) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư và các đối tác cùng thực hiện
2. Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
3. Mẫu số 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
4. Mẫu số 04: Thỏa thuận liên danh

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN**I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾**

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư [*Nhà đầu tư đính kèm sơ đồ lên Hệ thống*]

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

TT	Tên đối tác ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽³⁾	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác ⁽⁴⁾
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]		
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây dựng]		
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]		
				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết

định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽³⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ___ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án
4	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính xây lắp
5	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾ : <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình <input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu công trình <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành <input type="checkbox"/> Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư (vốn đầu tư):
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):

	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu chính
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽³⁾ :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: ___ [ghi tên dự án]

...

Ghi chú:

(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ ___ [*Ghi căn cứ pháp lý*]

Căn cứ ___ [*Ghi căn cứ pháp lý*]

Căn cứ E-TBMQT dự án: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMQT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế: [*Hệ thống tự động trích xuất*]
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế: [*Hệ thống tự động trích xuất*]
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

.....

Tên thành viên liên danh thứ năm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế: *[Hệ thống tự động trích xuất]*
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án ____ *[Hệ thống tự động trích xuất tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ____ *[ghi tên của liên danh]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình mời quan tâm dự án ____ *[Hệ thống tự động trích xuất tên của dự án]* như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ____ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSĐKTHDA cho cả liên danh.

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, đề nghị làm rõ E-YCSBNLKN và giải trình, làm rõ E-HSĐKTHDA;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-YCSBNLKN và giải trình, làm rõ E-HSĐKTHDA.

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh⁽¹⁾:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1 [Đứng đầu liên danh]			[tối thiểu 30%]
2	Thành viên 2			[tối thiểu 15%]
3	Thành viên 3			[tối thiểu 15%]
.....				
Tổng			100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không đáp ứng E-YCSBNLKN;

- Chấm dứt việc công bố danh mục dự án;

Thỏa thuận liên danh này được lập trên cơ sở sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.